TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **207/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông **Châu Vũ Bình;**

2. Ông **Trương Hoàng Hoa.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa***: Ông **Phạm Minh Thanh**- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 587/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST–HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị L**, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Ngô Tấn N,** sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: chị và anh N cưới nhau vào năm 2005 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 25/7/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh N có quan hệ với người phụ nữ khác, chị L đã cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không được. Chị L và anh N cùng chung sống một nhà nhưng anh chị sống ly thân khoảng 02 năm. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh N.

- Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Lê Minh Nh sinh ngày 22/02/2006 hiện cháu Nh đang sống với chị L và anh N, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nh chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Ngô Tấn N từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh N vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

*** Tại phiên tòa,** chị Lê Thị L vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn với anh Ngô Tấn N. Về con chung: Ngô Lê Minh Nh sinh ngày 22/02/2006 hiện cháu Nh đang sống với chị L và anh N, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nh chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị L trình bày không có.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân chị L và anh N mâu thuẩn trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L ly hôn với anh N.

+ Về con chung: Ngô Lê Minh Nh sinh ngày 22/02/2006 hiện cháu Nh đang sống với chị L và anh N, khi ly hôn cháu Nh có nguyện vọng muốn sống với chị L nên cần tiếp tục giao cháu Nh cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: không có.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Lê Thị L về việc tranh chấp "ly hôn" với anh Ngô Tấn N có hộ khẩu thường trú tại ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh Bình xác lập hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã B, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 quyển số 01/2005. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tấn N không quan tâm vợ con, sống không chung thủy, chị L đã cố gắng khuyên nhủ anh N để hàn gắn nhưng anh N không thay đổi, anh chị đã ly thân nay 02 năm. Xét thấy, chị L và anh N từ lúc phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh chị sống ly thân từ năm 2017 đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Tấn N nhưng anh vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L, điều đó chứng tỏ anh Tấn N không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Tấn N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với qui định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Ngô Lê Minh Nh sinh ngày 22/02/2006 hiện cháu Nh đang sống với chị L và anh N, cháu Nh có nguyện vọng sống chung với chị L. Để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu Nh nên cần tiếp tục giao cháu Nh cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với anh Ngô Tấn N vắng mặt tại tòa không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh N vẫn vắng mặt nên áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh N.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

1/ Về tình cảm: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Ngô Tấn N.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Ngô Lê Minh Nh sinh ngày 22/02/2006 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung**:** Không có.

5/ Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0015371 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị L đã thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Anh Ngô Tấn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh TG;
-VKSNDHCG-TG
-Chi cục THADSHCG;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ánh Hồng